



dāo piàn

刀片

noun · blade / razor blade

Example Sentences

Zhè gè dāo piàn hěn fēng lì
这个刀片很锋利。

This blade is very sharp.

Tā huàn le yī gè xīn dāo piàn
他换了一个新刀片。

He replaced it with a new blade.

Shǐ yòng dāo piàn shí yào xiǎo xīn yǐ miǎn gē shāng shǒu zhǐ
使用刀片时要小心，以免割伤手指。

Be careful when using a blade to avoid cutting your fingers.

Trace each character, then write the word on your own.

刀	刀	刀	刀	刀															
片	片	片	片	片	片	片													